

Số: 1910 / XMHT-KHCL

Hải Dương, ngày 29 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022

(Ban hành theo Quyết định số 4233/QĐ-XMHT ngày 28/12/2021
của Công ty về việc ban hành Quy chế công bố thông tin)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022

- Sản lượng clinker sản xuất là 3.404.103 tấn, đạt 100,0% kế hoạch; Sản lượng xi măng sản xuất là 4.271.548 tấn, đạt 93,7% kế hoạch; Sản lượng clinker tiêu thụ là 593.515 tấn, đạt 98,9% kế hoạch; Sản lượng xi măng tiêu thụ là 4.264.260 tấn, đạt 93,8% kế hoạch.

- Tổng doanh thu là 4.812,763 tỷ đồng, đạt 92,1% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế là 206,529 tỷ đồng, đạt 101,5% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế là 164,672 tỷ đồng, đạt 102,3% kế hoạch; Nộp ngân sách là 213,502 tỷ đồng, đạt 100,4% kế hoạch.

- Thuận lợi, khó khăn, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty:

+ Dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, các nước dần gỡ bỏ các biện pháp phòng chống dịch, chuỗi cung ứng, giao thương được nối lại tạo điều kiện khôi phục kinh tế thế giới.

+ Xung đột giữa Nga và Ukraine, kéo dài, Trung Quốc duy trì chính sách “Zero Covid” để kiểm soát dịch bệnh Covid-19... đã ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

+ Thị trường xi măng trong nước tiếp tục cạnh tranh khốc liệt do “cung” vượt xa “cầu”.

+ Thị trường bất động sản trầm lắng, giải ngân vốn đầu tư các dự án, công trình chậm.

+ Xuất khẩu xi măng, clinker gặp nhiều khó khăn do chính sách kiểm soát dịch bệnh tại Trung Quốc, bảo hộ sản xuất xi măng trong nước tại Philippines, cạnh tranh từ các nguồn cung dư thừa tại Trung Đông, Đông Nam Á...

+ Giá cả vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất xi măng tăng cao so với năm 2021.

+ Xu hướng dịch chuyển từ xi măng bao sang xi măng rời làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÔNG TY

TT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Các sản phẩm chủ yếu			
a)	Chỉ tiêu sản xuất			
	Clinker	Tấn	3.402.879	3.404.103

TT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
	Xi măng	Tấn	4.556.660	4.271.548
	Đá xây dựng	m3	550.000	291.223
	Gạch chịu lửa	Tấn	3.000	1.702
	Vỏ bao	1.000 cái	32.000	32.019
b)	Chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm			
	Clinker	Tấn	600.000	593.515
	Xi măng	Tấn	4.547.329	4.264.260
	Đá xây dựng	m3	480.000	212.474
	Gạch chịu lửa	Tấn	3.050	2.373
	Vỏ bao	1.000 cái	32.000	32.780
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.225,031	4.812,763
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	203,481	206,529
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	160,985	164,672
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	212,635	213,502
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	-	-
7	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	-	-
8	Tổng số lao động	Người	1.525	1.505
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	378,319	393,615
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4,280	4,930
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	374,039	388,685

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Theo Kế hoạch ĐTXD được duyệt, trong năm 2022 Công ty có 04 dự án nhóm B. Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng khối lượng thực hiện và giá trị giải ngân của một số dự án không đảm bảo theo kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan: Công tác đầu tư xây dựng phải thực hiện nhiều thủ tục để đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước nên thời gian thực hiện dự án kéo dài; Dự án ĐTXD mở sét Cúc Tiên tiếp tục phải thực hiện rà soát, cập nhật lại tổng mức đầu tư của dự án để có đủ kinh phí thực hiện do chính sách của Nhà nước có nhiều thay đổi liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng; dự án Trạm phát điện tận dụng nhiệt khí thải lò nung phải điều chỉnh phương án trích nhiệt, đo đạc các thông số khí thải dây chuyền HT1, HT2, HT3 khi lập Báo cáo NCKT điều chỉnh và một số dự án mới kéo dài thời gian chuẩn bị theo trình tự công việc.

- Nguyên nhân chủ quan: Công ty chưa lường hết được các vấn đề phát sinh trong quá

trình triển khai dự án.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện dự án
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B		2.191,790	961,740	1.230,050		1.255,123	
1	Dự án Trạm phát điện tận dụng nhiệt khí thải lò nung	459,104	183,641	275,463		2,259	2011-2025
2	Dự án Đầu tư xây dựng mỏ đá vôi Áng Rong	121,591	121,591			91,680	2007-2024
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét Cúc Tiên	247,399	247,399			151,184	2009-2025
4	Dự án Nâng cao năng lực nghiền xi măng và silo chứa xi măng	1.363,696	409,109	954,587		1.010	2016-2020

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Công ty không thực hiện đầu tư tại các công ty con.

Trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- VICEM (để b/c);
- HĐQT (để b/c);
- Ban TGD;
- XN. Tiêu thụ, P. Tổ chức;
- P. TCKT, Kỹ thuật;
- Ban QLDA, P. CNTT;
- Lưu: VT, KHCL, LMTường.

[Handwritten signatures]

TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Lê Xuân Khôi